

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ- ST
Ngày 03-12-2021
V/v tuyên bố không công
nhận quan hệ vợ chồng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Mai

- Bà Đoàn Thị Mến

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 17-11-2021 giữa;

Nguyên đơn: Anh Đặng Hữu N, sinh năm 1973- Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 02 T, xã P, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Chị Lý Thị M, sinh năm 1975- Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 02 T, xã P, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-10-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Hữu N trình bày: Anh N và chị Lý Thị M có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994. Do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên không đến Ủy ban nhân dân xã P làm thủ tục đăng ký

kết hôn. Đến nay anh N và chị M không có đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống anh N và chị M thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị M hay chửi bới xúc phạm, bất hòa trong gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019. Nay anh N xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh N và chị M có hai con chung tên là Đặng Thị M, sinh ngày 05-12-1994, cháu M trên 18 tuổi đã trưởng thành; cháu Đặng Phúc T, sinh ngày 10-02-2004 đã chết tháng 7 (âm lịch) năm 2021. Về con chung anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Lý Thị M trình bày: Chị và anh Đặng Hữu N có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994. Do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên anh chị không đến Ủy ban nhân dân xã P làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến nay anh N và chị M không có đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống chị M và anh N thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N hay bỏ nhà đi, chị M có khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi. Chị M và anh N đã sống ly thân từ năm 2019. Nay chị M xác định tình cảm không còn anh N xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị M và anh N có hai con chung tên là Đặng Thị M, sinh ngày 05-12-1994, cháu M trên 18 tuổi đã trưởng thành; cháu Đặng Phúc T, sinh ngày 10-02-2004 đã chết tháng 7 (âm lịch) năm 2021. Về con chung chị M không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

- *Tại phiên tòa đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Y phát biểu ý kiến:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 53 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị M; anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 238 Tòa án tiến hành theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm*: Anh Đặng Hữu N và chị Lý Thị M có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh N có yêu cầu xin ly hôn chị M, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người. Thấy rằng việc anh N và chị M có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên cần áp dụng quy định này và Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị M.

[4] *Về con chung*: Anh N và chị M có hai con chung tên là Đặng Thị M, sinh ngày 05-12-1994, cháu M trên 18 tuổi đã trưởng; cháu Đặng Phúc T, sinh ngày 10-02-2004 đã chết tháng 7 (âm lịch) năm 2021. Về con chung anh N và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này không đặt ra, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh N và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, khoản 1 Điều 227, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Hữu N và chị Lý Thị M.

3- *Về án phí*: Anh Đặng Hữu N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo

biên lai số: AA/2021/0002042 ngày 12-10-2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- *Quyền kháng cáo:* Anh Đặng Hữu N, chị Lý Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS L;
- CCTHA L;
- UBND xã P;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh